TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/06/2026
Về việc: "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-Đ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị T1

Bà Nguyễn Thị X

- Th1 ký phiên tòa: Bà Hồ Thị B - Th1 ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9-Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2026/TLST- HNGĐ ngày 25/3/2026 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1972. CCCD 045172010859. Địa chỉ: Tổ 6, khu A, phường ĐP, thành phố Đ (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1971. CCCD số 079071030006. Địa chỉ: Tổ 6, khu phố A, phường ĐP, thành phố Đ(xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 và quá trình làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U với ông L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hoà, huyện ĐP, tỉnh B (cũ) (nay là xã Tân Lợi, thành phố Đ) vào năm 2001 theo giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/9/2001. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng thời gian từ năm 2021 trở đi vợ chồng Thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm và Th1ờng cãi vả, hai vợ chồng đã cố gắng tự hoà giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay bà U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, bà U yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống bà U và ông L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 19/8/2002; Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009. Đối với con chung Nguyễn Ngọc Anh Th đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết. Bà U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th1 cho đến khi cháu Th1 trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L với bà U tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hoà, huyện ĐP, tỉnh B (cũ) vào năm 2001 theo giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/9/2001. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống vợ chồng cũng có lúc xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, có cãi vã nhưng sau đó cùng hoà giải và làm lành với nhau. Mâu thuẫn chủ yếu về tài sản và kinh tế gia đình, bản thân ông L lúc nào cũng chăm lo cho gia đình và mong muốn gia đình được hạnh phúc. Nay bà U yêu cầu ly hôn thì ông L không đồng ý, ông L xác định vẫn còn tình cảm, yêu Th1ơng bà U nên ông L mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi con khôn lớn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông L, bà U có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 19/8/2002; Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009. Do các con đã lớn nên ông L tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: NgU đơn bà U và bị đơn ông L có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà U có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà U và ông L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009, đối với con chung Nguyễn Ngọc Anh Th đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết, đối với Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009 giao cho bà Nguyễn Thị Tú U trực tiếp chăm sóc cho đến khi con trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: NgU đơn bà Nguyễn Thị Tú U yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, hiện cư trú tại: Tổ 6, khu phố An Hoà, phường ĐP, thành phố Đ. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đ. NgU đơn bà U và bị đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ngU đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn bà U yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông L và giải quyết nuôi con chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông L kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hoà, huyện ĐP, tỉnh B (cũ) vào năm 2001 theo giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/9/2001. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông L có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ với bà U; Tòa án cũng đã tạo điều kiện thời gian để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau bỏ qua mâu thuẫn nhằm xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc để nuôi dạy con cái nhưng cả hai vẫn không hòa giải được mâu thuẫn, bà U vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, do bà U xác định không còn tình cảm gì với ông L nữa và không đoàn tụ được với ông L, hiện nay cả hai đã sống ly thân không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Do đó, xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà U và ông L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà U yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà U và ông L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th, sinh ngày 19/8/2002 và Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009; Đối với con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Anh Th1, quá trình giải quyết bà U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Th1 và ông L cũng tôn trọng nguyện vọng của con. Quá trình thu thập chứng cứ cháu Th1 có

nguyện vọng được ở cùng với bà U, do cháu Th1 đã trên 07 tuổi nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2024, do đó cần giao cháu Nguyễn Ngọc Anh Th1 cho bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Nguyễn Thị Tú U.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tú U được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh Th1, sinh ngày 24/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Tú U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong thời gian nuôi con, các bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ngU đơn bà Nguyễn Thị Tú U phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006608 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

NgU đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đ;
- VKSND Khu vực 9;
- THADS thành phố Đ;
- UBND xã Tân L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh T